

Bản án số: 71/2021/DS-ST
Ngày: 06-4-2021.
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 417/2020/TLST-DSST ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định Đ vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 2 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T; địa chỉ trụ sở: số 5 đường 32, phường Q, Quận B, Thành phố H; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông NTĐ – nhân viên tín dụng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 275/UQ-QTD ngày 22/10/2020 của Quỹ tín dụng nhân dân T (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà TTĐ, sinh năm 1968; địa chỉ: 4/4 HTP, khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào ngày 05/12/2019, giữa bà TTĐ và Quỹ tín dụng nhân dân T có ký kết Hợp đồng tín dụng số 3-0001515/HĐTD với số tiền vay là 20.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thời điểm ký kết hợp đồng là 10.342%/năm, hình thức trả nợ: trả góp; hình thức bảo đảm nợ vay là tín chấp lương. Tính đến ngày 06/4/2021, bà Đ còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền cụ thể như sau: nợ gốc 20.000.000 đồng – đã trả 3.340.000 đồng, tiền nợ gốc còn lại 16.660.000 đồng; tiền lãi trong hạn 2.134.000 đồng;

tiền lãi quá hạn 864.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 19.658.000 đồng. Nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T đề nghị bị đơn bà TTĐ phải có trách nhiệm thanh toán làm 01 lần số tiền còn nợ trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/4/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày bà Đ thanh toán hết số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông NTĐ có “Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt” ngày 02/4/2021 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là bà TTĐ đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định Đ vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-DS ngày 24/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HPT ngày 16/3/2021 nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà TTĐ phải trả số tiền còn nợ lại theo kết Hợp đồng tín dụng số 3-0001515/HĐTD ngày 05/12/2019 của Quỹ tín dụng nhân dân T thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 3-0001515/HĐTD ngày 05/12/2019 thể hiện bà TTĐ tại thời điểm ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân T có địa chỉ tại 4/4 HTP, tổ 20, khu phố 3, phường T, Quận B, Thành phố H. Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường T Quận B Thành phố H thì bị đơn là bà TTĐ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không thực tế cư trú tại đây (đã bán nhà), hiện chưa xác định được nơi ở hiện nay, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà TTĐ mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 3-0001515/HĐTD ngày 05/12/2019 giữa Quỹ tín dụng nhân dân T và bị đơn bà TTĐ, Giấy nhận nợ ngày 05/12/2019, Phiếu chi ngày 05/12/2019 cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Quỹ tín dụng nhân dân T có cho bà TTĐ vay số tiền 20.000.000 đồng

Căn cứ vào bảng kê tính gốc, lãi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận, bị đơn bà TTĐ còn nợ lại nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T tính đến ngày 06/4/2021 số tiền tiền nợ gốc còn lại là 16.660.000 đồng, tiền lãi

trong hạn 2.134.000 đồng, tiền lãi quá hạn 864.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 19.658.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà TTĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T về việc buộc bị đơn là bà TTĐ có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc còn lại 16.660.000 đồng; tiền lãi trong hạn 2.134.000 đồng; tiền lãi quá hạn 864.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 19.658.000 đồng.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 07/4/2021, bà TTĐ còn phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 3-0001515/HĐTD ngày 05/12/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm b, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông NTĐ và bị đơn bà TTĐ

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T.

- Buộc bà TTĐ phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền 19.658.000 đồng tính đến ngày 06/4/2021, trong đó: số tiền tiền nợ gốc còn lại là 16.660.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.134.000 đồng, tiền lãi quá hạn 864.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày kể từ ngày 07/4/2021, bà TTĐ còn phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 3-0001515/HĐTD ngày 05/12/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà TTĐ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 982.900 đồng

Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 464.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041819 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố H cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố H trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.H;
- VKSND Quận B, Tp.H;
- Chi cục THADS Quận B, Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương